

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ST VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ST VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ST VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ST VIỆT NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 2301084504

3. Ngày thành lập: 18/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Núi, khu Bò Sơn, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0868683019

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
2.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
3.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
7.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
8.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
9.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
10.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
11.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
12.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
13.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
14.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
15.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
16.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
17.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
18.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

21.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
22.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
23.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
24.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
25.	Tái chế phế liệu	3830
26.	Xây dựng nhà để ở	4101
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình điện	4221
30.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
35.	Phá dỡ	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
40.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
50.	Bán buôn tổng hợp	4690
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
53.	Cho thuê xe có động cơ	7710
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

